

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2025/HS-ST

Ngày 14 - 4 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thủy.

Thẩm phán: Ông Trần Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tâm; Ông Hoàng Lê Tâm, bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2025/TLST-HS ngày 23/01/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HS ngày 11/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/HS-ST ngày 25/3/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đào Thị Tuyết A**, sinh ngày 22 tháng 11 năm 1982, tại tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: Khu T, xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đào Mạnh H, sinh năm 1960 và bà Lê Thị N, sinh năm 1963; Chồng: Trần Tuấn A1, sinh năm 1977 (Đã ly hôn); Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/6/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam, Công an tỉnh T. Có mặt.

- Bị hại:

1. Bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

2. Bà **Lưu Thị H1**, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

3. Bà **Bùi Thu T**, sinh năm 1991; địa chỉ: P, nhà H, khu 7,2ha, phường V, quận B, thành phố Hà Nội. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

4. Bà **Vi Thị H2**, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

5. Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ A, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

6. Ông **Đàm Văn Q**, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

7. Ông **Lục Văn T1**, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

** Người làm chứng:*

1. Ông **Nguyễn Văn T2**, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

2. Ông **Đỗ Thanh T3**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 09/2020, Đào Thị Tuyết A, sinh năm 1982 (trú tại Khu T, xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ) do không có tiền chi tiêu cá nhân đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng cách đưa ra thông tin gian dối về việc có thể xin nhập học, chuyển công tác, xin vào biên chế chính thức trong ngành Công an và Quân đội; rủ người quen cùng góp vốn kinh doanh nhằm chiếm đoạt tiền của những người có nhu cầu xin nhập học, chuyển công tác, xin vào biên chế và góp vốn kinh doanh, để sử dụng chi tiêu cá nhân. Bằng các phương thức, thủ đoạn trên, trong thời gian từ tháng 02/2021 đến tháng 5/2024, Tuyết A đã 07 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tổng số tiền 1.549.000.000. Cụ thể:

- Lần 1: Tháng 02/2021, chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1976 (trú tại Thôn L, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang) đang làm thuê cho nhà Tuyết A và muốn xin cho con gái là cháu Lâm Bích T4, sinh năm 2007 vào học tại Trường T8; biết được nhu cầu của chị V, Tuyết A đã nói dối chị V là mình có người nhà làm Hiệu trưởng T5 thiếu sinh quân và có bác ruột làm ở Bộ C nên sẽ xin được cho cháu T4 vào học T5 thiếu sinh quân. Tin tưởng Tuyết A nói là thật, chị V đã đồng ý nhờ Tuyết A, thấy thế Tuyết A bảo với chị V là chi phí xin nhập học hết 200.000.000 đồng, nhưng đưa trước 20.000.000 đồng để mua quà, số còn lại khi nào nhập học sẽ đưa sau. Tháng 03/2021, tại nhà Tuyết A, chị V đã đưa cho Tuyết A 20.000.000 đồng để xin học cho cháu T4; khi nhận tiền Tuyết A nói với chị V là đến tháng 06/2021 cháu T4 sẽ được nhập học. Tuy nhiên sau khi nhận được số tiền trên, Tuyết A không nhờ ai xin học cho cháu T4 như đã hứa, mà chiếm đoạt sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Sau đó, cháu T4 không được nhập học Trường thiếu sinh quân, chị V đã nhiều lần yêu cầu Tuyết A trả số tiền trên, nhưng Tuyết A không trả, nên chị V đã tố cáo hành vi phạm tội của Tuyết A với Cơ quan CSĐT Công an huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- Lần 2: Tháng 03/2021, thông qua nói chuyện với chị V, chị Lưu Thị H1, sinh năm 1978 (trú tại Thôn M, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang) đã đặt vấn đề nhờ Tuyết A xin cho con gái mình là cháu Nguyễn Lưu Hà T6, sinh năm 2007 vào học T5 thiếu sinh quân. Thấy thế Tuyết A tiếp tục nói dối chị H1 là mình có người nhà làm Hiệu trưởng T5 thiếu sinh quân và có bác ruột làm ở Bộ C, có thể xin học được cho cháu T6; đồng thời Tuyết A thông báo với chị H1 chi phí xin nhập học là 260.000.000 đồng, nhưng chỉ cần đưa trước 60.000.000 đồng để mua quà, còn 200.000.000 đồng khi nào nhập học sẽ đưa nốt. Do tin tưởng, chị H1 đã đồng ý với yêu cầu trên của Tuyết A; tháng 04/2021 tại nhà Tuyết A, chị H1 đưa trước cho Tuyết A 60.000.000 đồng để xin nhập học cho cháu T6. Tháng 05/2021, do cần tiền chi tiêu, Tuyết A nói với chị H1 đưa thêm 50.000.000 đồng nữa để lo cho ci.. T6 được nhập học ngay trong tháng 06/2021; chị H1 đồng ý và đưa cho Tuyết A 50.000.000 đồng tại nhà mình. Sau khi nhận được tiền, Tuyết A không nhờ ai xin học cho cháu T6, mà chiếm đoạt sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Do tin tưởng Tuyết A có nhiều mối quan hệ xã hội rộng, nên tháng 12/2021, chị H1 đặt vấn đề nhờ Tuyết A làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất của chị H1 tại xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Tuy không có khả năng, nhưng cần tiền chi tiêu cá nhân nên Tuyết A nói dối chị H1 là mình có thể giúp được và tự đưa ra mức chi phí là 150.000.000 đồng, phải đưa trước 80.000.000 đồng, khi nào được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đưa nốt số tiền còn lại; chị H1 đồng ý và đưa cho Tuyết A 80.000.000 đồng tại nhà của Tuyết A. Sau khi nhận tiền, Tuyết A không nhờ ai làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị H1 như đã hứa, mà chiếm đoạt sử dụng chi tiêu cá nhân hết (tổng cộng chị H1 đã đưa cho Tuyết A số tiền là 190.000.000 đồng). Đến đầu năm 2022, cháu T6 không được đi học Trường thiếu sinh quân và gia đình không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chị H1 đã nhiều lần yêu cầu Tuyết A trả lại tiền. Ngày 22/02/2023, Tuyết A trả cho chị H1 50.000.000 đồng, còn lại 140.000.000 đồng đến nay Tuyết A chưa trả cho chị H1.

- Lần 3: Cuối năm 2021, thông qua nói chuyện với chị H1, chị Bùi Thu T, sinh năm 1991 (trú tại Số A, ngõ B, đường P, phường P, quận B; chỗ ở P, nhà H1 khu 7,2 ha, phường V, quận B, Thành phố Hà Nội) biết thông tin Tuyết A có người nhà làm ở Bộ C, nên đã gọi điện nhờ Tuyết A xin chuyển công tác cho chồng mình là anh Đỗ Thanh T3, sinh năm 1989, từ Trung đoàn Cảnh sát cơ động T9 về Trại giam T10 - Bộ C hoặc Công an Thành phố H cho gần gia đình. Do đang cần tiền chi tiêu cá nhân, Tuyết A đã nói dối chị T là có bác làm ở Bộ C có thể xin chuyển công tác cho anh T3, nếu chuyển về Trại giam T10 thì chi phí hết 600.000.000 đồng, còn xin về Công an Thành phố H thì chi phí là 500.000.000 đồng. Tin tưởng Tuyết A nói là thật, chị T đồng ý như Tuyết A xin cho anh T3 về Trại giam T10 và được Tuyết A hứa hẹn đến tháng 6/2022 anh T3 sẽ được chuyển công tác. Đến tháng 01/2022, Tuyết A báo chị T chuyển trước 50.000.000 đồng để mua quà đi tết, đặt vấn đề chuyển công tác cho anh T3; ngày 07/2/2024, T sử dụng tài khoản của mình số 027704060111712 mở tại

V3 chuyển trước số tiền 25.000.000 đồng đến tài khoản số 00000251017773 của Tuyết A mở tại M, tiếp đến đầu tháng 02/2022 chị T đến nhà đưa cho Tuyết A thêm 25.000.000 đồng. Ngày 19/02/2022, chị T cùng anh T3 đến nhà đưa cho Tuyết A số tiền 550.000.000 đồng; quá trình giao nhận tiền hai bên viết giấy biên nhận, Tuyết A ký tên xác nhận, nội dung ghi “Tuyết A đã nhận của chị T số tiền 600.000.000 đồng”. Sau đó chị T nói lại với Tuyết A là muốn xin cho anh T3 chuyển công tác về Công an Thành phố H; Tuyết A nói với chị T chi phí chi hết 450.000.000 đồng, sẽ chuyển lại tiền thừa cho chị T. Ngày 19/02/2022, Tuyết A sử dụng tài khoản số 00000251017773 của mình chuyển trả số tiền 150.000.000 đồng vào tài khoản số 027704060111712 của chị T. Nhưng sau đó không thấy chồng mình được chuyển công tác, nên chị T đã yêu cầu Tuyết A trả lại số tiền 450.000.000 đồng. Tuyết A đã chuyển khoản trả cho chị T 150.000.000 đồng (ngày 13/02/2023 trả 13.000.000 đồng, ngày 10/3/2023 trả 37.000.000 đồng, ngày 11/3/2023 trả 47.000.000 đồng, ngày 16/3/2023 trả 3.000.000 đồng, ngày 21/3/2023 trả 50.000.000 đồng). Còn lại 300.000.000 đồng đến nay Tuyết A chưa trả cho chị T.

- Lần 4: Khoảng tháng 3/2023, chị Vi Thị H2, sinh năm 1982 (trú tại Thôn T, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang), đang làm thuê cho nhà Tuyết A, đã nói chuyện với Tuyết A về việc muốn xin cho con trai là Trần Nhật D đi nghĩa vụ quân sự tại Công an huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Do cần tiền chi tiêu cá nhân, Tuyết A nói dối chị H2 là mình có bác làm ở Bộ C có thể xin cho cháu D vào biên chế trong ngành Công an. Do tin tưởng, chị H2 nhờ Tuyết A xin hộ cho cháu D; Tuyết A nói với chị H2 chi phí là 350.000.000 đồng, nhưng phải đưa trước 50.000.000 đồng để mua quà, số tiền còn lại khi nào cháu D vào biên chế sẽ đưa sau; đồng thời Tuyết A hứa hẹn đến tháng 07/2023 cháu D sẽ được tuyển dụng, sau đó vài ngày chị H2 đã đến nhà đưa cho Tuyết A số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, Tuyết A đã chiếm đoạt sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Thấy cháu D không được vào biên chế ngành Công an như Tuyết A đã hứa, chị H2 nhiều lần yêu cầu Tuyết A trả lại tiền, nhưng Tuyết A không trả, nên chị H2 đã tố cáo hành vi phạm tội của Tuyết A với Cơ quan CSĐT Công an huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- Lần 5: Đầu tháng 4/2023, do cần tiền chi tiêu cá nhân, Tuyết A đưa ra thông tin gian dối về việc mình đang kinh doanh mở cát tại huyện B, tỉnh Hà Giang và rủ chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991 (trú tại Tổ A, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang) góp vốn 200.000.000 đồng để cùng kinh doanh và hứa hẹn hằng tháng sẽ chia lợi nhuận 10% trên tổng số tiền góp vốn. Do tin tưởng nên chị L đồng ý và sử dụng tài khoản số 34110994870 của mình mở tại B chuyển số tiền trên vào tài khoản số 0000025017773 của Tuyết A mở tại ngân M (ngày 12/4/2023 chuyển 100.000.000 đồng, ngày 14/4/2023 chuyển 100.000.000 đồng). Sau khi nhận được số tiền trên của chị Lan Tuyết A3 không đầu tư kinh doanh cát mà sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Đến tháng 5/2023, không thấy Tuyết A3 chia lợi nhuận như đã hứa, chị L nhiều lần yêu cầu Tuyết A3 trả tiền, nhưng Tuyết A3 không trả, nên chị L đã tố cáo hành vi phạm tội của Tuyết A3 với Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T.

- Lần 6: Tháng 5/2023, do cần tiền chi tiêu cá nhân, Tuyết A3 đưa ra 1 thông tin gian dối về việc mình đang xây dựng công trình Đài tưởng niệm tại Sư đoàn 316 ở huyện Đ, tỉnh Phú Thọ và rủ anh Đàm Văn Q, sinh năm 1988 (trú tại Thôn Đ, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang) góp vốn làm chung, lợi nhuận thu được hàng tháng sẽ chia theo tỷ lệ góp vốn. Do tin tưởng, anh Q đồng ý và chuyển cho Tuyết A3 143.000.000 đồng, trong đó chuyển 110.000.000 đồng từ tài khoản số 18888886888 mở tại M đến tài khoản số 0000025017773 của Tuyết A3 (ngày 15/5/2023 chuyển 10.000.000 đồng, ngày 30/5/2023 chuyển 10.000.000 đồng, ngày 02/6/2023 chuyển 30.000.000 đồng, ngày 05/6/2023 chuyển 3.000.000 đồng, ngày 08/6/2023 chuyển 50.000.000 đồng, ngày 10/6/2023 chuyển 7.000.000 đồng); tiếp đến ngày 14/6/2023, anh Q chuyển 30.000.000 đồng từ tài khoản số 8102205080724 mở tại A5 vào tài khoản của Tuyết A3 và ngày 28/8/2023, anh Q trực tiếp đưa thêm cho Tuyết A3 3.000.000 đồng (Tuyết A3 viết giấy đã nhận của anh Q tổng số tiền là 143.000.000 đồng). Sau đó không thấy Tuyết A3 trả tiền lợi nhuận như đã hứa, anh Q yêu cầu Tuyết A3 trả lại số tiền trên; Tuyết A3 chuyển khoản trả cho anh Q 13.000.000 đồng (ngày 11/10/2023 trả 3.000.000 đồng, ngày 29/11/2023 trả 10.000.000 đồng), còn lại 130.000.000 đồng đến nay chưa trả.

- Lần 7: Đầu năm 2024, anh Lục Văn T1, sinh năm 1979 (trú tại Thôn N, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang) gọi điện hỏi Tuyết A3 có kinh doanh cát sỏi không cho anh T1 cùng góp tiền đầu tư. Do cần tiền chi tiêu cá nhân, mặc dù không còn kinh doanh cát sỏi nhưng Tuyết A3 vẫn n dối và rủ anh T1 góp vốn kinh doanh. Do tin tưởng, anh T1 đã nhiều lần chuyển số tiền 234.000.000 đồng từ tài khoản số 0982717801 của mình mở tại B đến tài khoản số 00000251017773 của Tuyết A3 để góp vốn kinh doanh cát sỏi (ngày 31/3/2024 chuyển 20.000.000 đồng, ngày 01/4/2024 chuyển 1.000.000 đồng, ngày 04/4/2024 chuyển 40.000.000 đồng, ngày 11/4/2024 chuyển 15.000.000 đồng, ngày 17/4/2024 chuyển 25.000.000 đồng, ngày 01/5/2024 chuyển 55.000.000 đồng, ngày 06/5/2024 chuyển 2.000.000 đồng, ngày 07/5/2024 chuyển 50.000.000 đồng, ngày 12/5/2024 chuyển 6.000.000 đồng, ngày 24/5/2024 chuyển 10.000.000 đồng, ngày 25/5/2024 chuyển 10.000.000 đồng); ngoài ra trong tháng 5/2024 tại thành phố B, tỉnh Bắc Giang (không nhớ địa điểm cụ thể) anh T1 còn 02 lần đưa cho Tuyết A3 số tiền 112.000.000 đồng để góp vốn kinh doanh (tổng cộng anh T1 đã đưa cho Tuyết A3 số tiền là 346.000.000 đồng). Sau khi nhận được số tiền trên, Tuyết A3 đã chiếm đoạt sử dụng chi tiêu cá nhân hết; do không thấy Tuyết A3 thanh toán lợi nhuận kinh doanh như đã hứa, anh T1 nhiều lần yêu cầu Tuyết Anh trả lại tiền nhưng không được, nên đã tố cáo hành vi phạm tội của Tuyết A3 với Cơ quan điều tra.

Như vậy, trong thời gian từ tháng 02/2021 đến tháng 05/2024, Đào Th Tuyết A4 đã 07 lần thực hiện hành vi gian dối bằng hình thức hứa hẹn xin nhập học, chuyển công tác, xin vào biên chế chính thức trong ngành Công an và Quân đội, hoặc rủ góp vốn kinh doanh để chiếm đoạt tiền của 07 bị hại ở tỉnh Tuyên Quang và Thành phố Hà Nội, với tổng số tiền là 1.549.000 đồng (trong đó chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị V1 20.000.000 đồng, chiếm đoạt của chị Lưu

Thị H1 190.000.000 đồng, chiếm đoạt của chị Bùi Thu T 600.000.000 đồng, chiếm đoạt của chị Vi Thị H3 50.000.000 đồng, chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị L 200.000.000 đồng, chiếm đoạt của anh Đàm Văn Q 143.000.000 đồng và chiếm đoạt của anh Lục Văn T7 346.000.000 đồng). Sau đó do các bị hại nhiều lần yêu cầu trả lại tiền và Tuyết A4 mới trả được cho 03 bị hại một phần tiền chiếm đoạt là 363.000.000 đồng (trong đó trả cho chị H1 50.000.000 đồng, trả chị T 300.000.000 đồng, trả anh Q 13.000.000 đồng); còn lại 1.186.000.000 đồng đến nay chưa trả. Ngày 25/6/2024, Đào Thị Tuyết A đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Y, tỉnh Tuyên Quang đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mình.

* Về kết luận giám định: Tại Kết luận giám định số 864/KL-KTHS ngày 30/6/2024 của Phòng K Công an tỉnh T, xác định:

- Chữ viết trên giấy biên nhận tiền ghi ngày 19/02/2022 (trừ chữ viết “Đào Thị Tuyết A” dưới chữ ký tại mục “Người nhận tiền”) với chữ viết đứng tên Đào Thị Tuyết A trên mẫu so sánh “bản tự khai của Đào Thị Tuyết A, ngày 25/6/2024” không phải do cùng một người viết. Chữ viết “Đào Thị Tuyết A” dưới chữ ký tại mục “Người nhận tiền” với chữ viết đứng tên Đào Thị Tuyết A trên mẫu so sánh “bản tự khai của Đào Thị Tuyết A, ngày 25/6/2024” là do cùng một người viết.

- Chữ ký ghi tên Đào Thị Tuyết A dưới mục “Người nhận tiền” trên mẫu cần giám định giấy biên nhận tiền ghi ngày 19/02/2022 với chữ ký đứng tên Đào Thị Tuyết A trên mẫu so sánh “bản tự khai của Đào Thị Tuyết A, ngày 25/6/2024” không cùng dạng nên không tiến hành giám định so sánh.

* Về dân sự: Các bị hại gồm các chị Nguyễn Thị V, Lưu Thị H1, Bùi Thu T, Vi Thị H2, Nguyễn Thị L và các anh Đàm Văn Q, Lục Văn T1 yêu cầu bị cáo Đào Thị Tuyết A phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt, nhưng chưa hoàn trả là 1.186.000.000 đồng (trong đó chị V yêu cầu bồi thường 20.000.000 đồng, chị H1 yêu cầu bồi thường 140.000.000 đồng, chị T yêu cầu bồi thường 300.000.000 đồng, chị H2 yêu cầu bồi thường 50.000.000 đồng, chị L yêu cầu bồi thường 200.000.000 đồng, anh Q yêu cầu bồi thường 130.000.000 đồng, anh T1 yêu cầu bồi thường 346.000.000 đồng). Đến nay bị cáo chưa bồi thường thêm khoản tiền nào.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Đào Thị Tuyết A đã khai khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Hành vi phạm tội bị cáo còn được chứng minh tại Biên bản ghi lời khai, Biên bản hỏi cung bị cáo. Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án.

Từ nội dung trên, tại Cáo trạng số 08/CT-VKSTQ-P1 ngày 22/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Đào Thị Tuyết A, về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đào Thị Tuyết A phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Đào Thị Tuyết A từ 14 đến 15 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 25/6/2024.

** Hình phạt bổ sung:* Do bị cáo không có tài sản nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

** Về trách nhiệm dân sự:* Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Đào Thị Tuyết A có trách nhiệm phải bồi thường, hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại, trừ đi số tiền bị cáo đã hoàn trả tại giai đoạn điều tra, bị cáo còn phải bồi thường hoàn trả tổng số tiền là 1.186.000.000 đồng cho các bị hại, trong đó hoàn trả cho bị hại Nguyễn Thị V là 20.000.000 đồng, bị hại Lưu Thị H1 là 140.000.000 đồng; bị hại Bùi Thu T là 300.000.000 đồng; bị hại Vi Thị H2 là 50.000.000 đồng, bị hại Nguyễn Thị L là 200.000.000 đồng; bị hại Đàm Văn Q là 130.000.000 đồng; bị hại Lục Văn T1 là 346.000.000 đồng.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Đào Thị Tuyết A trình bày luận cứ: Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật; tuy nhiên bị cáo phạm tội lần đầu và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mức án thấp nhất trong khung của Viện kiểm sát.

Bị hại Lục Văn T1 cho rằng sau khi phạm tội bị cáo không phải ra đầu thú mà do bị bắt khi đang tiếp tục đi lừa người khác, nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ đầu thú cho bị cáo.

Các bị hại khác không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của đại diện Viện kiểm sát và luận cứ của Luật sư bào chữa cho bị cáo.

Kết thúc phần tranh tụng, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, tỏ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình; lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác; Hành vi phạm tội của các bị cáo đã được chứng minh bằng Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, vật chứng thu giữ, các kết luận giám định, lời khai của các bị hại, người làm chứng và những tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ trên có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ tháng 02/2021 đến tháng 05/2024, Đào Thị Tuyết A, sinh năm 1982 (trú tại Khu T, xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ) đã 07 lần thực hiện hành vi gian dối bằng hình thức hứa hẹn xin nhập học, chuyển công tác, xin vào biên chế chính thức trong ngành Công an và Quân đội; rút góp vốn kinh doanh để chiếm đoạt tiền của 07 bị hại ở tỉnh Tuyên Quang và Thành phố Hà Nội, với tổng số tiền là 1.549.000.000 đồng. Cụ thể:

- Lần 1: Tháng 03/2021 tại xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối hứa hẹn xin cho con gái chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1976 (trú tại Thôn L, xã M, huyện Y tỉnh Tuyên Quang) vào học T5 thiếu sinh quân sau đó chiếm đoạt của chị V số tiền 20.000.000 đồng.

- Lần 2: Từ tháng 4/2021 đến tháng 12/2021 tại M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối hứa hẹn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xin cho con gái chị Lưu Thị H1, sinh năm 1978 (trú tại Thôn M, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang) vào học T5 thiếu sinh quân sau đó chiếm đoạt của chị H1 số tiền 190.000.000 đồng.

- Lần 3: Tháng 02/2022 tại xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang bị cáo đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối hứa hẹn xin chuyển công tác cho chồng chị Bùi Thu T, sinh năm 1991 (trú tại Số A, ngõ B, đường P, phường P, quận B; chỗ ở P, nhà H1 khu 7,2 ha, phường V, quận B, Thành phố Hà Nội) về Công an thành phố H sau đó chiếm đoạt của chị T số tiền 600.000.000 đồng.

- Lần 4: Tháng 4/2023 tại xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang bị cáo đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối hứa hẹn xin vào biên chế chính thức trong ngành Công an cho con trai chị Vi Thị H2, sinh năm 1982 (trú tại Thôn T, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang) sau đó chiếm đoạt của chị H2 số tiền 50.000.000 đồng.

- Lần 5: Tháng 4/2023 tại Thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, Đào Thị Tuyết A đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối rủ chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991 (trú tại Tổ A, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang) góp tiền cùng kinh doanh cát sỏi xây dựng sau đó chiếm đoạt của chị L số tiền 200.000.000 đồng.

- Lần 6: Từ tháng 5/2023 đến 08/2023 tại xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, Đào Thị Tuyết A đã đưa ra thông tin gian dối rủ anh Đàm Văn Q, sinh năm 1988 (trú tại Thôn Đ, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang) góp tiền cùng nhận thầu xây dựng công trình Đài tưởng niệm tại Sư đoàn C huyện Đ sau đó chiếm đoạt của anh Q số tiền 143.000.000 đồng.

- Lần 7: Tháng 5/2024 tại xã N, huyện S, Tuyên Quang và thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Đào Thị Tuyết A đã đưa ra thông tin gian dối rủ anh Lục Văn T1, sinh năm 1979 (trú tại Thôn N, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang) góp tiền cùng kinh doanh cát sỏi xây dựng sau đó chiếm đoạt của anh T1 số tiền 346.000.000 đồng.

Sau đó do các bị hại nhiều lần yêu cầu trả lại tiền và Tuyết A mới trả được cho 03 bị hại một phần tiền chiếm đoạt là 363.000.000 đồng (trong đó trả cho chị H1 50.000.000 đồng, trả chị T 300.000.000 đồng, trả anh Q 13.000.000 đồng); còn lại 1.186.000.000 đồng đến nay chưa trả. Ngày 25/6/2024, Đào Thị Tuyết A đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Y, tỉnh Tuyên Quang đầu thú,

khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mình. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, không oan.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã có hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị hại bằng thủ đoạn gian dối, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của người khác về tài sản, gây mất ổn định tình hình an ninh chính trị- xã hội tại địa phương, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại trên 500.000.000 đồng; bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi mình thực hiện là vi phạm pháp luật, nhưng vì lợi ích cá nhân bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Tình tiết tăng nặng*: Bị cáo Đào Thị Tuyết A bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- *Tình tiết giảm nhẹ*: Bị cáo được áp dụng tình tiết tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đầu thú, quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với tình tiết giảm nhẹ đầu thú, tại phiên tòa bị hại Lục Văn T1 đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng cho bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy ngày 25/6/2024 bị cáo Đào Thị Tuyết A đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y để đầu thú khi biết hành vi phạm tội của mình không thể trốn tránh được, do đó Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành lập biên bản và đã thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp theo đúng quy định của pháp luật, do vậy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội đầu thú được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự như đề nghị của Luật sư và đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Về mức án Viện kiểm sát đề nghị:

Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, đặc biệt nguy hiểm cho xã hội; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo có nhận thức pháp luật đầy đủ nhưng với mục đích vụ lợi nên đã có 07 lần thực hiện hành vi gian dối bằng hình thức hứa hẹn xin nhập học, chuyển công tác, xin vào biên chế chính thức trong ngành Công an và Quân đội; rủ góp vốn kinh doanh để chiếm đoạt tài sản, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm minh, tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội. Hội đồng xét xử thấy mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

Xét bị cáo không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Tại giai đoạn điều tra, các bị hại gồm các chị Nguyễn Thị V, Lưu Thị H1, Bùi Thu T, Vi Thị H2, Nguyễn Thị L và các anh Đàm Văn Q, Lục Văn T1 yêu

cầu bị cáo Đào Thị Tuyết A phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt, nhưng chưa hoàn trả là 1.186.000.000 đồng (trong đó chị V yêu cầu bồi thường 20.000.000 đồng, chị H1 yêu cầu bồi thường 140.000.000 đồng, chị T yêu cầu bồi thường 300.000.000 đồng, chị H2 yêu cầu bồi thường 50.000.000 đồng, chị L yêu cầu bồi thường 200.000.000 đồng, anh Q yêu cầu bồi thường 130.000.000 đồng, anh T1 yêu cầu bồi thường 346.000.000 đồng). Tại phiên tòa, các bị hại tiếp tục yêu cầu bị cáo phải trả lại toàn bộ số tiền như trên.

Vì vậy, buộc bị cáo Đào Thị Tuyết A phải có nghĩa vụ trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại, cụ thể:

- Trả cho chị Nguyễn Thị V là 20.000.000 đồng;
- Trả cho chị Lưu Thị H1 là 140.000.000 đồng;
- Trả cho chị Bùi Thu T là 300.000.000 đồng;
- Trả cho chị Vi Thị H2 là 50.000.000 đồng,
- Trả chị Nguyễn Thị L là 200.000.000 đồng;
- Trả cho anh Đàm Văn Q là 130.000.000 đồng;
- Trả cho anh Lục Văn T1 là 346.000.000 đồng.

[6] Về án phí:

Bị cáo Đào Thị Tuyết A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[7] Bị cáo, các bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Về các vấn đề khác: Đối với số tiền 4.000.000 đồng chị V khai đưa cho Tuyết A vào đầu tháng 02/2021 tại nhà của Tuyết A để nhờ Tuyết A chuyển hộ khẩu và đổi họ cho con gái chị V để thuận lợi cho việc nhập học vào Trường thiếu sinh quân Quá trình điều tra, Tuyết A không thừa nhận, không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh nên không đủ căn cứ điều tra, xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Đào Thị Tuyết A phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Đào Thị Tuyết A 14 (mười bốn) năm 06 (sau) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 25/6/2024).

2. Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 122, 127, 131, 407, 357, 468 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Đào Thị Tuyết A có nghĩa vụ trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại như sau:

- Trả cho chị Nguyễn Thị V số tiền là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*);
- Trả cho chị Lưu Thị H1 số tiền là 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*);
- Trả cho chị Bùi Thu T số tiền là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*);

- Trả cho chị Vi Thị H2 số tiền là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*);
- Trả chị Nguyễn Thị L số tiền là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*);
- Trả cho anh Đàm Văn Q số tiền là 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*);
- Trả cho anh Lục Văn T1 số tiền là 346.000.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi sáu triệu đồng*).

Tổng số tiền bị cáo phải trả lại cho các bị hại là **1.186.000.000** đồng (*Một tỷ một trăm tám mươi sáu triệu đồng*).

Khoản tiền phải bồi hoàn, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bị cáo còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đào Thị Tuyết A phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 47.580.000 đồng (*Bốn mươi bảy triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng*) án phí dân sự có giá ngạch. Tổng cộng 47.780.000 đồng (*Bốn mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng*);

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo, các bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/3/2025). Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

-

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tỉnh (CQCSĐT + Phòng hồ sơ);
- Trại tạm giam Công tỉnh Tuyên Quang;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS + Toà án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thủy